

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **149/2007/NĐ-CP**

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt, thủ tục xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực du lịch.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch là hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm và theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này phải bị xử phạt hành chính.

3. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch quy định tại Nghị định này bao gồm:

- a) Vi phạm quy định về kinh doanh lữ hành, hướng dẫn du lịch, kinh doanh vận chuyển khách du lịch;
- b) Vi phạm quy định về kinh doanh lưu trú du lịch;
- c) Vi phạm quy định về xúc tiến du lịch;
- d) Vi phạm các quy định về hoạt động du lịch khác.

4. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực du lịch không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam và cá nhân, tổ chức nước ngoài (gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch bị xử phạt theo quy định tại Điều 7 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.
3. Cán bộ, công chức thực hiện hành vi quy định tại Chương II Nghị định này trong khi thi hành công vụ thì không bị xử phạt vi phạm hành chính mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

1. Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để theo đúng quy định của pháp luật; mọi hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.
2. Cá nhân, tổ chức chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính khi có hành vi vi phạm hành chính do pháp luật quy định.
3. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch phải do người có thẩm quyền quy định tại Chương III Nghị định này thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.
4. Một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch chỉ bị xử phạt một lần. Cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi cá nhân, tổ chức vi phạm đều bị xử phạt.
5. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng để quyết định hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả thích hợp. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng áp dụng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.
6. Không xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

Điều 4. Thời hiệu xử phạt

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch là một năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện. Nếu quá thời hạn nói trên thì không xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định này.
2. Đối với cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính thì bị xử phạt hành chính. Trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.
3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà cá nhân, tổ chức lại thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới trong cùng lĩnh vực trước đây đã vi phạm hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.
4. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch, nếu qua một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định

xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

Điều 5. Thời hạn ra quyết định xử phạt

1. Đối với vụ việc đơn giản, hành vi vi phạm rõ ràng, không cần xác minh thêm thì phải ra quyết định xử phạt trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày lập biên bản về hành vi vi phạm hành chính. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải đúng mẫu quy định do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp như tang vật, phương tiện cần giám định, cần xác định rõ đối tượng vi phạm hành chính hoặc những tình tiết phức tạp khác thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản về hành vi vi phạm hành chính.

3. Trong trường hợp xét thấy cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì chậm nhất là 10 ngày, trước khi hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người có thẩm quyền xử phạt phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không quá 30 ngày.

4. Người có thẩm quyền không được ra quyết định xử phạt trong các trường hợp sau đây:

- a) Đã hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Đã hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 2 Điều này mà không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được cấp có thẩm quyền cho phép gia hạn;
- c) Đã hết thời hạn được cấp có thẩm quyền gia hạn.

5. Trường hợp không ra quyết định xử phạt thì người có thẩm quyền vẫn có thể ra quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

Điều 6. Hình thức xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

Mức phạt tiền tối đa đến 30.000.000 đồng. Khi áp dụng hình thức phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt quy định đối với hành vi đó; nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống thấp hơn mức trung bình nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên cao hơn mức trung bình, nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- a) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không có thời hạn Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả quy định cụ thể tại các điều của Chương II Nghị định này.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

Mục 1

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN DU LỊCH, VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH

Điều 7. Vi phạm quy định về thông báo hoạt động kinh doanh lữ hành

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

1. Không thông báo bằng văn bản về thời điểm bắt đầu hoạt động kinh doanh lữ hành cho cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp chính thức hoạt động kinh doanh.
2. Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, thay đổi loại hình doanh nghiệp, thay đổi tên doanh nghiệp, thay đổi địa điểm đặt trụ sở của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành cho cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.
3. Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành cho cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày doanh nghiệp thay đổi người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành.
4. Không thông báo bằng văn bản về việc thành lập, thời điểm bắt đầu hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành cho cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày chi nhánh, văn phòng đại diện thành lập, chính thức hoạt động.
5. Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi người đứng đầu, thay đổi tên, thay đổi địa điểm của chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành cho cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.

Điều 8. Vi phạm quy định về kinh doanh lữ hành

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Sử dụng người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành nội địa không đủ ít nhất ba năm làm việc trong lĩnh vực lữ hành;
- b) Sử dụng người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế không đủ ít nhất bốn năm làm việc trong lĩnh vực lữ hành;
- c) Người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế không đủ thời gian làm việc trong lĩnh vực lữ hành theo quy định pháp luật;
- d) Không thông báo cho cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày mất Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế;

đ) Hợp đồng lữ hành thiếu một trong những nội dung quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Du lịch.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Không có chương trình du lịch bằng văn bản cho đại diện nhóm khách du lịch, khách du lịch;
- b) Không có hợp đồng lữ hành bằng văn bản với khách du lịch hoặc đại diện của khách du lịch theo quy định;
- c) Không giải quyết yêu cầu, kiến nghị chính đáng của khách du lịch theo quy định của pháp luật;
- d) Sử dụng hướng dẫn viên để thực hiện chương trình du lịch mà không có hợp đồng lao động bằng văn bản với hướng dẫn viên;
- đ) Không hướng dẫn, cung cấp thông tin liên quan đến chương trình du lịch khi bên nhận đại lý lữ hành yêu cầu;
- e) Không thông tin rõ ràng, công khai, trung thực số lượng, giá cả các dịch vụ du lịch cho khách du lịch.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Người điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành sử dụng giấy tờ xác nhận về thời gian làm việc không đúng với thực tế để điều hành hoạt động kinh doanh lữ hành;
- b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ lập, lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Sử dụng tên doanh nghiệp, tên giao dịch, tên viết tắt không đúng với tên của doanh nghiệp đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoạt động kinh doanh;
- b) Không thông báo kịp thời với cơ quan có thẩm quyền về tai nạn, rủi ro hoặc các sự cố xảy ra đối với khách du lịch;
- c) Sử dụng phương tiện, trang thiết bị không bảo đảm sức khỏe, an toàn tính mạng, tài sản của khách du lịch theo quy định của pháp luật;
- d) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo cho Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế mà không có ít nhất ba hướng dẫn viên du lịch quốc tế;
- b) Sử dụng người không có thẻ hướng dẫn viên để hướng dẫn cho khách du lịch;
- c) Không mua bảo hiểm cho khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài trong thời gian thực hiện chương trình du lịch theo quy định.

6. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Không bảo đảm đủ số tiền ký quỹ đối với hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế theo quy định;
- b) Tẩy xóa, sửa chữa các nội dung trong Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế;

- c) Thu tiền ngoài hợp đồng hoặc các hành vi thu lợi bất chính khác từ khách du lịch;
- d) Không tuân thủ các quy định của pháp luật về việc quản lý chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc;
- đ) Không quản lý khách du lịch theo hợp đồng, chương trình du lịch đã ký kết;
- e) kê khai không trung thực các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp, đổi Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế;
- g) Không làm thủ tục đổi Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế theo quy định của pháp luật.

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế mà không có Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế;
- b) Cho thuê, cho mượn Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế;
- c) Sử dụng Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế của doanh nghiệp khác để hoạt động kinh doanh;
- d) Sử dụng người nước ngoài làm hướng dẫn du lịch tại Việt Nam;
- đ) Hoạt động kinh doanh lữ hành sau khi đã thông báo tạm ngừng, chấm dứt hoặc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động kinh doanh lữ hành.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

- a) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, d khoản 4, điểm a, b khoản 5 Điều này;
- b) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế 09 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 5 Điều này từ ba lần trở lên hoặc không mua bảo hiểm cho 50 khách du lịch trở lên;
- c) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế 01 năm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, c, d, e khoản 6, điểm d, đ khoản 7 Điều này;
- d) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế không thời hạn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, đ khoản 6, điểm b khoản 7 Điều này hoặc tái phạm hành vi quy định tại điểm a, d khoản 4, điểm a, b, c khoản 5, điểm a, c, d, e, g khoản 6, điểm d, đ khoản 7 Điều này;
- đ) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 và điểm e khoản 6 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc bổ sung đủ phương tiện, trang thiết bị bảo đảm sức khỏe, an toàn tính mạng, tài sản của khách du lịch đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này;
- b) Buộc nộp đủ số tiền ký quỹ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều này;
- c) Buộc hoàn trả khách du lịch hoặc sung quỹ nhà nước những tài sản đã thu bất chính của khách du lịch đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 6 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về kinh doanh đại lý lữ hành

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không thông báo bằng văn bản về thời điểm bắt đầu hoạt động kinh doanh đại lý lữ hành cho cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày đại lý lữ hành bắt đầu hoạt động kinh doanh;

b) Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi tên, địa chỉ của đại lý lữ hành cho cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Tẩy xóa, sửa chữa, sao chép làm sai lệch nội dung chương trình du lịch của bên giao đại lý lữ hành;

b) Bán chương trình du lịch với giá cao hơn giá của bên giao đại lý lữ hành.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Hoạt động đại lý lữ hành mà không có đăng ký kinh doanh đại lý lữ hành;

b) Kinh doanh đại lý lữ hành mà không có hợp đồng đại lý lữ hành bằng văn bản với doanh nghiệp kinh doanh lữ hành.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hoàn trả khách du lịch hoặc sung quỹ nhà nước các khoản thu không đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về hướng dẫn du lịch

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hướng dẫn viên du lịch có một trong những hành vi sau đây:

a) Không đeo thẻ hướng dẫn viên du lịch khi hành nghề;

b) Không mang theo chương trình du lịch khi hành nghề;

c) Không hướng dẫn cho khách du lịch đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về cư trú, nhập cảnh, xuất cảnh trong thời gian tham quan du lịch tại Việt Nam;

d) Không cung cấp đầy đủ thông tin về lịch trình, chương trình du lịch cho đại diện nhóm khách du lịch, khách du lịch.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hướng dẫn viên du lịch có một trong những hành vi sau đây:

a) Không có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh lữ hành;

b) Hành nghề hướng dẫn khách du lịch độc lập;

e) Không phổ biến, hướng dẫn khách du lịch các biện pháp bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản của khách du lịch trong khi thực hiện chương trình du lịch;

d) Cho người khác sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch;

đ) Sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch của người khác để hành nghề;

e) Sử dụng thẻ đã hết hạn.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hướng dẫn viên du lịch có một trong những hành vi sau đây:

a) Tẩy xóa, sửa chữa nội dung thẻ hướng dẫn viên du lịch để hành nghề;

b) Sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa để hướng dẫn cho khách du lịch là người nước ngoài.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Hướng dẫn khách du lịch mà không có thẻ hướng dẫn viên du lịch theo quy định;
- b) Sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch giả để hành nghề;
- c) Tự ý thay đổi chương trình du lịch, tiêu chuẩn, dịch vụ của khách du lịch;
- d) Giới thiệu sai lệch giá trị văn hóa, lịch sử, đất nước, con người Việt Nam, gây ảnh hưởng xấu tới hình ảnh, truyền thống, đạo đức, thuần phong mỹ tục dân tộc Việt Nam;
- đ) Lợi dụng hoạt động hướng dẫn du lịch để thuyết minh, cung cấp thông tin làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội;
- e) Đưa khách du lịch đến khu vực cấm;
- g) Thu tiền ngoài hợp đồng hoặc các hành vi thu lợi bất chính khác từ khách du lịch.

5. Người nước ngoài nếu hoạt động hướng dẫn du lịch tại Việt Nam thì áp dụng xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

- a) Tước quyền sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch 01 năm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, điểm c, d, đ, e, g khoản 4 Điều này;
- b) Tước quyền sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch không thời hạn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này hoặc tái phạm hành vi quy định tại điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3, điểm c, d, đ, e, g khoản 4 Điều này;
- c) Tịch thu tang vật sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 2 và điểm b khoản 4 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hoàn trả khách du lịch hoặc sung quỹ nhà nước những tài sản đã thu bất chính của khách du lịch đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 4 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về kinh doanh vận chuyển khách du lịch

Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh vận chuyển khách du lịch thì áp dụng theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, giao thông đường thủy nội địa, giao thông vận tải đường sắt, hàng hải và các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 12. Vi phạm quy định về thành lập và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam

Hành vi vi phạm quy định về thành lập và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam thì áp dụng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại để xử phạt.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH LƯU TRÚ DU LỊCH

Điều 13. Vi phạm quy định về kinh doanh lưu trú du lịch

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Không thông báo bằng văn bản về thời điểm bắt đầu hoạt động kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch cho cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh nơi đặt cơ sở lưu trú trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày cơ sở lưu trú chính thức đi vào hoạt động;
- b) Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi người đứng đầu cơ sở lưu trú du lịch, thay đổi tên cơ sở lưu trú du lịch cho cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi;
- c) Không thông báo bằng văn bản khi áp dụng mức phụ thu cước viễn thông trong cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thực hiện;
- d) Không thực hiện đúng quy định về mẫu biển tên, hạng cơ sở lưu trú du lịch;
- đ) Không gắn biển hạng cơ sở lưu trú du lịch sau khi đã được cơ quan nhà nước về du lịch có thẩm quyền xếp hạng;
- e) Không ban hành, niêm yết nội quy, quy chế của cơ sở lưu trú du lịch;
- g) Không thông tin rõ ràng, công khai về số lượng, chất lượng, giá cả các dịch vụ, hàng hoá cho khách du lịch.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ lập, lưu trữ hồ sơ, tài liệu về hoạt động kinh doanh của cơ sở lưu trú du lịch theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

- a) Sử dụng phương tiện, trang thiết bị không bảo đảm sức khỏe, an toàn tính mạng, tài sản của khách du lịch theo quy định của pháp luật;
- b) Sử dụng tên doanh nghiệp, tên giao dịch, tên viết tắt không đúng với tên của cơ sở lưu trú du lịch đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoạt động kinh doanh.
- c) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo cho Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Không đăng ký với cơ quan nhà nước về du lịch có thẩm quyền để thẩm định, xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch sau ba tháng, kể từ khi cơ sở lưu trú du lịch chính thức hoạt động kinh doanh;
- b) Không đăng ký với cơ quan nhà nước về du lịch có thẩm quyền để thẩm định, công nhận lại hạng cơ sở lưu trú du lịch trước ba tháng, kể từ khi hết hạn công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch;
- c) Không bảo đảm một trong những quy chuẩn kỹ thuật về trang thiết bị, chất lượng dịch vụ tương ứng với hạng cơ sở lưu trú du lịch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận theo quy định của pháp luật;
- d) Không bảo đảm một trong những tiêu chuẩn về người quản lý và nhân viên phục vụ tương ứng với hạng cơ sở lưu trú du lịch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận theo quy định của pháp luật;

đ) Thu phí dịch vụ không đúng quy định.

5. Phạt tiền 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Mạo nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch;

b) Thu tiền ngoài hợp đồng hoặc các hành vi thu lợi bất chính khác từ khách du lịch.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch sau khi đã thông báo tạm ngừng, chấm dứt hoặc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch.

7. Hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: bưu chính, viễn thông, ngân hàng, văn hoá - thông tin, giá, phòng, chống cháy nổ, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, thương mại và các lĩnh vực khác tại cơ sở lưu trú du lịch không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính đối với từng lĩnh vực để xử phạt.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung đủ phương tiện, trang thiết bị bảo đảm sức khoẻ, an toàn tính mạng, tài sản của khách du lịch đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc hoàn trả khách du lịch hoặc sung quỹ nhà nước những tài sản đã thu bất chính của khách du lịch đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 4, điểm b khoản 5 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quy định về kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện trong cơ sở lưu trú du lịch

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện trong cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng.

2. Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại để xử phạt.

Mục 3

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ XÚC TIẾN DU LỊCH

Điều 15. Vi phạm quy định về hoạt động xúc tiến du lịch

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Lợi dụng hoạt động xúc tiến du lịch làm phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chương trình khuyến mại du lịch đã thông tin, quảng bá;

c) Quảng bá sản phẩm du lịch không đúng với nội dung và chất lượng thực tế.

2. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động xúc tiến du lịch không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo dỡ, tiêu hủy các vật phẩm tuyên truyền, quảng bá du lịch, chấm dứt các chương trình quảng bá đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về tổ chức hội chợ, triển lãm, trưng bày, giới thiệu sản phẩm du lịch

Hành vi vi phạm quy định về hội chợ, triển lãm, trưng bày, giới thiệu sản phẩm du lịch thì áp dụng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại để xử phạt.

Mục 4

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH KHÁC

Điều 17. Vi phạm quy định về tài nguyên du lịch, quy hoạch phát triển du lịch

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi khai thác tài nguyên du lịch trái quy định của pháp luật trong khu du lịch, điểm du lịch hoặc trong khu vực đã được quy hoạch phát triển du lịch.

2. Hành vi vi phạm quy định về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên du lịch, quy hoạch phát triển du lịch không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 18. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường du lịch

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Không niêm yết nội quy bảo vệ môi trường theo quy định tại nơi dễ quan sát trong cơ sở lưu trú du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, trên phương tiện vận chuyển khách du lịch;
- b) Không bố trí phương tiện thu gom, xử lý chất thải tại cơ sở lưu trú du lịch, trên phương tiện vận chuyển khách du lịch, trong khu du lịch, điểm du lịch;
- c) Xâm hại đến môi trường sống của các loài động vật hoang dã nơi có tài nguyên du lịch;
- d) Chặt phá, bẻ cành hoặc có hành vi khác làm thiệt hại cây xanh, thảm thực vật nơi có tài nguyên du lịch.

2. Đối với hành vi sử dụng trái phép thực vật, động vật hoang dã quý hiếm vào mục đích kinh doanh du lịch thì áp dụng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản để xử phạt.

3. Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường để xử phạt.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc niêm yết nội quy bảo vệ môi trường theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;
- b) Buộc bố trí phương tiện thu gom, xử lý chất thải đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;
- c) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 19. Vi phạm quy định về quản lý, hoạt động kinh doanh trong khu du lịch, điểm du lịch

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- 1. Không ban hành nội quy, quy chế quản lý khu du lịch, điểm du lịch.
- 2. Ban hành nội quy, quy chế của khu du lịch, điểm du lịch trái với quy định pháp luật.
- 3. Vi phạm quy chế của khu du lịch, điểm du lịch.

Điều 20. Xử phạt đối với hành vi cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Không xuất trình hoặc xuất trình không đầy đủ các giấy tờ và tài liệu có liên quan đến việc kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm theo yêu cầu của người, cơ quan có thẩm quyền;
- b) Xuất trình giấy tờ không hợp pháp nhằm trốn tránh việc kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Cố ý trì hoãn hoặc trốn tránh việc kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm của người, cơ quan có thẩm quyền;
- b) Tự ý tháo gỡ niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hoặc tự ý làm thay đổi hiện trường vi phạm hành chính;
- c) Tẩu tán, làm thay đổi, đánh tráo tang vật đang bị kiểm tra, thanh tra hoặc tạm giữ;
- d) Lãng mạ, hành hung và chống đối người, cơ quan có thẩm quyền đang làm nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm.

3. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều này.
- b) Buộc thi hành quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 21. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Điều 28 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thuộc địa bàn quản lý của địa phương.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Điều 29 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thuộc địa bàn quản lý của địa phương.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Điều 30 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thuộc địa bàn quản lý của địa phương.

Điều 22. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành du lịch

1. Thanh tra viên chuyên ngành du lịch đang thi hành công vụ có thẩm quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có trị giá đến 2.000.000 đồng;
 - d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 12 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;
 - đ) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Chánh Thanh tra cơ quan nhà nước về du lịch cấp tỉnh có thẩm quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
 - c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
 - d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
 - đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 12 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;
 - e) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
3. Chánh Thanh tra Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
 - c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
 - d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
 - đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 12 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;
 - e) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 23. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Công an nhân dân, Cảnh sát biển, Bộ đội biên phòng, Thanh tra chuyên ngành

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Công an nhân dân, Cảnh sát biển, Bộ đội biên phòng có quyền xử phạt theo quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính

đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thuộc địa bàn, lĩnh vực ngành mình quản lý.

2. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra chuyên ngành khác có quyền xử phạt theo quy định tại Điều 38 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thuộc địa bàn, lĩnh vực quản lý của ngành.

Điều 24. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính

Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và việc ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch được thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 25. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch được thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 26. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề

Thủ tục tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch được thực hiện theo quy định tại Điều 59 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 27. Thủ tục tịch thu, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm

Thủ tục tịch thu, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch được thực hiện theo quy định tại Điều 60 và Điều 61 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 28. Chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch phải chấp hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Quá thời hạn trên mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, tổ chức bị phạt tiền phải nộp số tiền được ghi trong quyết định xử phạt tại kho bạc nhà nước và nhận biên lai ghi tiền phạt hoặc nộp tiền phạt trực tiếp cho người ra quyết định xử phạt và nhận biên lai ghi tiền phạt theo quy định của Nhà nước.

3. Việc hoãn chấp hành quyết định xử phạt tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 65 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 29. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 66 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan, người có thẩm quyền phải tuân thủ trình tự, thủ tục cưỡng chế theo quy định của pháp luật về thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 67 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 30. Quy định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định này khi quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả phải căn cứ vào quy định của pháp luật, mức độ thiệt hại thực tế do hành vi vi phạm hành chính gây ra và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

2. Cá nhân, tổ chức bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả phải thi hành các hình thức xử phạt đó trong thời hạn 10 ngày sau khi được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Trong trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về du lịch phải tịch thu hoặc tiêu hủy thì thực hiện theo quy định tại Điều 60 và 61 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 31. Áp dụng biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính

1. Để ngăn chặn kịp thời vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch, những người có thẩm quyền được áp dụng biện pháp ngăn chặn hành chính theo quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 32. Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo.

2. Công dân có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những hành vi vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân quy định tại Nghị định này hoặc tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan có thẩm quyền, cá nhân, tổ chức bị xử phạt vẫn phải thi hành quyết định xử phạt.

4. Trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 33. Khen thưởng

Cá nhân, tổ chức có thành tích trong đấu tranh, phòng chống vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Xử lý vi phạm

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch có hành vi sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng mức, xử phạt vượt quá thẩm quyền quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch nếu không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành; trường hợp thực hiện hành

vi phạm hành chính mà có hành vi ngăn cản, chống đối người thi hành công vụ hoặc dùng các thủ đoạn gian dối, hối lộ hoặc thủ đoạn khác để trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành quyết định xử phạt của người có thẩm quyền thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 50/2002/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN,
Website Chính phủ,
Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ,
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5 bản). Bình

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng